TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 30/2020/DS-ST Ngày: 11 – 7 – 2020 V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Ửng – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "*Bồi thường thiệt hại do taài sản bị xâm phạm*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2020/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lê Minh T1, sinh năm 1961 (*có mặt*).

1.2. Cụ Mai Văn T2, sinh năm 1943 (*có mặt*).

1.3. Ông Nguyễn Thanh B1, sinh năm 1974 (*có mặt*).

1.4. Ông Nguyễn Thanh Đ1, sinh năm 1974 (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh Đ: Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1971 (Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 6 năm 2019 – *có mặt*).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hồ Thành Đ2, sinh năm 1969 (*có mặt*).

2.2. Ông Phạm Dũng C1, sinh năm 1968 (*có mặt*).

2.3. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1961 (*có mặt*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trịnh Thị N1, sinh năm 1964 (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị N1: Ông Lê Minh T1, sinh năm 1961 (Văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 7 năm 2019 – *có mặt*).

3.2. Cụ Nguyễn Thị C2, sinh năm 1944 (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Nguyễn Thị C2: Cụ Mai Văn T2, sinh năm 1943 (Văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 7 năm 2019 – *có mặt*).

3.3. Bà Lê Thị T4, sinh năm 1972 (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị T4: Ông Nguyễn Thanh B1, sinh năm 1974 (Văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 7 năm 2019 – *có mặt*).

3.4. Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1971 (*có mặt*).

3.5. Bà Nguyễn Thị Kim T5, sinh năm 1974 (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim T5: Ông Hồ Thành Đ2, sinh năm 1969 (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 8 năm 2019 – *có mặt*).

3.6. Bà Lê Thị Bé C3, sinh năm 1973 (*vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Bé C3: Ông Phạm Dũng C1, sinh năm 1968 (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 8 năm 2019 – *có mặt*).

3.7. Bà Nguyễn Thị Thanh T6, sinh năm 1959 (*vắng mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp 2, xã L, huyện B2, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện ngày 17 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn cụ Mai Văn T2, ông Nguyễn Thanh B1, ông Lê Minh T1, người đại diện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đ1có bà Nguyễn Thanh H trình bày:

Hệ thống cống T7 do Nhà nước đầu tư xây dựng có 02 nắp quạt: *Nắp quạt thứ nhất*, đặt tại miệng cống phía ngoài sông C4 dùng điều tiết nước cho các hộ dân chuyên canh đất ao vườn và sinh sống ở khu vực từ sông C4 đến đường Hương lộ Ấp 2, trong đó có gia đình cụ T2, ông B1, ông Đ1, ông T1. *Nắp quạt thứ hai*, đặt tại miệng cống phía trong kinh thủy lợi dùng điều tiết nước cho các hộ dân chuyên canh đất trồng lúa, trong đó có gia đình ông Phạm Dũng C1, ông Nguyễn Văn T3, ông Hồ Thành Đ2. Ủy ban nhân dân xã L giao cho ông Nguyễn Văn T8 (Trưởng Ban nhân dân Ấp 2) có trách nhiệm điều hành 02 nắp quạt. Khoảng 03 năm trước, nắp quạt thứ nhất bị máy Kobe múc trôi đi mất nên Ban nhân dân Ấp 2 họp dân thống nhất lấy nắp quạt thứ hai mang ra đặt tại miệng cống sông C4 để đảm bảo điều tiết nước tưới tiêu chung cho cả 02 khu vực và giao cho ông T1 quản lý trông coi.

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 17/02/2019 (ngày 13/01/2019 âm lịch) ông B1 nhìn thấy ông Đ2, ông C1, ông T3 dùng xe 03 bánh loại tự chế cùng chở nắp quạt của miệng cống sông C4 mang đi đặt lại tại miệng cống kinh thủy lợi. Ông B1 liền trình báo cho ông T8 biết sự việc đi đến kiểm tra. Do nước ngập ao vườn một cách bất thường nên cụ T2 cũng đi đến cống sông C4 thì nhìn thấy nắp quạt không còn. Lúc này, triều cường đang dâng cao nên ông T8, cụ T2 cùng nhiều hộ dân dùng cây ngăn nước. Tuy nhiên, không ngăn cản được vì dòng nước chảy rất mạnh làm cho vườn cây, ao cá, chuồng trại của các hộ dân bị ngập sâu không khắc phục được dẫn đến số vật nuôi bị chết, cá nuôi bơi đi mất gây thiệt hại tài sản của vợ chồng các nguyên đơn, cụ thể:

- Tài sản vợ chồng cụ T2 bị thiệt hại gồm: 01 con chó trọng lượng 12 kg; 17 con gà, mỗi con trọng lượng 01 kg; 100 con cá phi, mỗi con trọng lượng 01 kg; 100 con cá mè vinh, mỗi con trọng lượng 01 kg; 100 con cá mè trắng, mỗi con trọng lượng 01 kg; 90 con cá chép, mỗi con trọng lượng 1,5 kg; 100 con cá trê, mỗi con trọng lượng 03 kg. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại thành tiền 20.930.000 đồng.

- Tài sản vợ chồng ông B1 bị thiệt hại gồm: 05 kg cá chép giống; 700 con cá tai tượng giống; 100 con cá phi, tai tượng, mè vinh, mỗi con trọng lượng 0,5 kg; 50 con cá trê, mỗi con trọng lượng 04 kg; 50 con cá tra, mỗi con trọng lượng 03 kg. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại thành tiền 14.000.000 đồng.

- Tài sản vợ chồng ông Đ1 bị thiệt hại gồm 25 con cá trê, mỗi con trọng lượng 04 ký, giá trị tài sản bị thiệt hại thành tiền 3.000.000 đồng.

- Tài sản vợ chồng ông T1 bị thiệt hại gồm: 100 con cá tra, loại 05 con/kg; 200 con cá tai tượng, loại 06 con/kg. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại thành tiền 1.920.000 đồng.

Tại buổi hòa giải ngày 12/4/2019 do Ban nhân dân Ấp 2 tiến hành: Ông C1, ông Đ2 thừa nhận tháo dở lấy nắp quạt của miệng cống sông C4 mang ra đặt tại miệng cống kinh thủy lợi không có trình báo. Theo vận động của ban hòa giải, cụ T2, ông B1, ông Đ1, ông T1 không yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu ông C1, ông Đ2 thừa nhận lỗi. Tuy nhiên, ông C1, ông Đ2 cho rằng các ông không được mời họp nên không biết nhân dân thống nhất lấy nắp quạt thứ hai mang ra đặt tại miệng cống sông C4 và khẳng định việc lấy lại nắp quạt là đúng, không thừa nhận lỗi dẫn đến thiệt hại nên không đồng ý bồi thường.

Nay, cụ T2, ông B1, ông Đ1, ông T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ2, ông C1, ông T3 cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho: Cụ T2 và cụ Nguyễn Thị C2 số tiền 20.930.000 đồng; ông B1 và bà Lê Thị T4 số tiền 14.000.000 đồng; ông Đ1 và bà H số tiền 3.000.000 đồng; ông T1 và bà Trịnh Thị N1 số tiền 1.920.000 đồng.

Do bà Nguyễn Thị Kim T5 (vợ ông Đ2), bà Lê Thị Bé C3 (vợ ông C1), bà Nguyễn Thị Thanh T6 (vợ ông T3) không liên quan đến hành vi gây thiệt hại về tài sản, không có lỗi. Nên cụ T2, ông B1, bà H (đại diện ông Đ1), ông T1 thống

nhất rút lại yêu cầu khởi kiện buộc bà T5, bà T6, bà C3 có trách nhiệm liên đới cùng với ông Đ2, ông C1, ông T3 bồi thường thiệt hại.

Tại các bản tự khai ngày 01 và ngày 03 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Phạm Dũng C1, ông Nguyễn Văn T3, ông Hồ Thành Đ2 trình bày:

Gia đình các ông là những hộ dân canh tác đất trồng lúa thuộc khu vực phía trong kinh thủy lợi, chịu sự điều tiết nước của nắp quạt thứ hai hệ thống cống T7. Sau đó không rõ vì sao nắp quạt này không còn. Nên trước đây nước nhiều lần tràn vào ruộng gây ảnh hưởng đến việc canh tác, thu hoạch lúa.

Đến kỳ thu hoạch vụ lúa Đông Xuân tháng giêng âm lịch năm 2019, theo lịch được các hộ dân thống nhất tiến hành thu hoạch trong khoảng thời gian từ ngày 10 đến ngày 15/01/2019 âm lịch. Tuy nhiên, trước đó từ ngày 27/12/2018 âm lịch (ngày 01/02/2019 dương lịch) đến ngày 08/01/2019 âm lịch (ngày 12/02/2019 dương lịch) nước nhiều lần tràn vào ruộng làm lúa bị đổ ngã, ngập úng. Các ông đã nhiều lần trình báo cho ông T8 nhưng không được giải quyết. Vì xót lúa sắp thu hoạch, các ông bàn bạc cùng nhau đi tìm nắp quạt cũ để sửa, đặt lại vị trí cũ.

Ngày 08/01/2019 âm lịch (ngày 12/02/2019 dương lịch), khi cả 03 người đi đến cống sông C4 nhìn thấy miệng cống để trống, còn nắp quạt bị vứt trên bờ lộ đất nên lấy mang đi đặt lại tại miệng cống kinh thủy lợi để ngăn không cho nước tràn vào ruộng, chứ không phải tự ý tháo dở lấy nắp quạt dẫn đến gây thiệt hại về tài sản như cụ T2, ông B1, ông T1, bà H (đại diện ông Đ1) trình bày.

Do đó, các ông không đồng ý bồi thường theo yêu cầu khởi kiện của cụ T2, ông B1, ông Đ1, ông T1. Thống nhất ý kiến rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại đối với bà T5, bà T6, bà C3.

Trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cụ C2 có cụ T2 đại diện, bà T4 có ông B1 đại diện, bà N1 có ông T1 đại diện, bà H trình bày: Thống nhất yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

- Bà T5 có ông Đ2 đại diện, bà C3 có ông C1 đại diện trình bày: Thống nhất ý kiến của nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà T5, bà C3, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại các biên bản xác minh ngày 19, ngày 20 và ngày 23 tháng 9 năm 2019, ông Nguyễn Văn T8(Trưởng ban nhân dân Ấp 2), ông Văn Thành Đ3 (Phó Trưởng ban nhân dân Ấp 2), ông Lê Thanh Tùng A (Công an viên Ấp 2), ông Nguyễn Văn Đ4 (em ruột ông T3 và là người sử dụng đất giáp cận với đất cụ T2), anh Nguyễn Thanh D (em bạn rể ông Nguyễn Thành S1 chủ đất giáp cận với đất ông B1, ông Đ1), cụ Nguyễn Văn S2 và con là ông Nguyễn Thanh N2 (hộ

dân sử dụng hệ thống cống Đ5 và là người sử dụng đất giáp cận với đất ông Nguyễn Thành S1) trình bày:

- Ông T8 là người có trách nhiệm điều hành 02 nắp quạt hệ thống cống T7. Trong quá trình sử dụng, khoảng 03 năm trước nắp quạt đặt tại lộ đất giáp sông C4 bị hư hỏng nên ban nhân dân Ấp 2 tiến hành họp dân (ông C1, ông Đ2, ông T3 không dự họp) đi đến thống nhất lấy nắp quạt đang đặt tại lộ nhựa ra đặt phía ngoài lộ đất giáp sông C4 để điều tiết nước tưới tiêu và giao cho ông T1 quản lý trông coi. Sau khi xảy ra sự việc gây thiệt hại về tài sản, tại buổi hòa giải ngày 12/4/2019 do Ban nhân dân Ấp 2 tiến hành, ông C1, ông Đ2 thừa nhận tự ý tháo dở lấy nắp quạt đặt phía ngoài lộ đất mang ra đặt phía trong lộ nhựa.

- Cụ S2 khẳng định khoảng thời gian gần tết âm lịch, nước sông C4 cao hơn đất vườn khoảng 01 mét, còn mặt lộ đất đặt cống T7 và cống Đ5 giáp sông C4 cao hơn mực nước khoảng 01 mét. Anh D, cụ S2 nhìn thấy ông C1, ông Đ2, ông T3 kéo nắp quạt đi từ hướng lộ đất vào trong ruộng nhưng không thấy ai tháo dở nắp quạt. Cụ S2, ông Đ4 khẳng định thời điểm nước tràn vào vườn, ao nuôi cá thì nắp quạt phía ngoài dở bung nước chảy rất mạnh, không có cách nào khắc phục được chỉ chờ đến khi nước cạn. Ông Đ4 xác định cụ T2 là người nuôi cá lâu năm chỉ thả thêm cá chứ không tát ao bán cá. Anh D có bắt được 01 con cá trê phi trọng lượng trên 03 kg của các hộ dân nuôi bị thất thoát là đúng.

Tại biên bản xác minh ngày 16 tháng 3 năm 2020, ông Nguyễn Thành T9 (người canh tác đất ruộng gần đất ruộng của ông C1, ông Đ2, ông T3) trình bày:

Vào ngày 08/01/2019 âm lịch, trước thời gian thu hoạch lúa 04 ngày nước tràn vào ruộng nên ông 02 lần trình báo cho ông T8 thì ông T8 trả lời "*Để nói lại với ông T1 là người giữ nắp quạt*". Tuy nhiên, nước vẫn tràn vào ruộng làm sập lúa, máy không cắt được ảnh hưởng đến việc thu hoạch. Sau đó, ông có nghe nói lại là nước ngập vườn, ao cá và ông C1, ông Đ2, ông T3 là người lấy nắp quạt ngoài sông C4 đem vô đặt trong ruộng để ngăn nước.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng định giá và bản mô tả kết cấu ao nuôi cá của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tam Bình thể hiện:

- Tài sản là cá nuôi tại ao số 01 – thể tích 600 m^3 và tại ao số 02 – thể tích 270 m^3 của ông Nguyễn Thanh B1 bị thiệt hại gồm: cá chép nhỏ số lượng 05 kg, đơn giá 60.000 đồng/kg, thành tiền 300.000 đồng; cá tai tượng giống 700 con, đơn giá 2.000 đồng/con, thành tiền 1.400.000 đồng; cá phi 120 con trọng lượng 0,5 kg/con, đơn giá 30.000 đồng/kg, thành tiền 1.800.000 đồng; cá trê 50 con trọng lượng 4 kg/con, đơn giá 30.000 đồng/kg, thành tiền 6.000.000 đồng; cá tra 50 con trọng lượng 03 kg/con, đơn giá 30.000 đồng/kg, thành tiền 4.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thành tiền 14.000.000 đồng.

- Tài sản là cá nuôi tại ao – thể tích 48 m^3 của ông Lê Minh T1 bị thiệt hại gồm: cá tra 100 con trọng lượng 200 gam/con, đơn giá 30.000 đồng/kg, thành tiền 600.000 đồng; cá tai tượng 200 con trọng lượng 6 con/kg, đơn giá 30.000

đồng/kg, thành tiền 999.900 đồng. Tổng giá trị tài sản thành tiền 1.599.900 đồng.

- Tài sản là cá nuôi tại ao – thể tích 33,6 m^3 của ông Nguyễn Thanh Đ1 bị thiệt hại gồm cá trê 25 con trọng lượng 04 kg/con, đơn giá 30.000 đồng/kg, giá trị tài sản thành tiền 3.000.000 đồng.

- Tài sản của cụ Mai Văn T2 bị thiệt hại gồm: 01 con chó trọng lượng 12 kg, đơn giá 50.000 đồng/kg, thành tiền 600.000 đồng; 17 con gà trọng lượng 01 kg/con, đơn giá 65.000 đồng/kg, thành tiền 1.105.000 đồng; cá nuôi tại ao – thể tích 1.575 m^3: cá phi 100 con trọng lượng 01 kg/con, đơn giá 30.000 đồng/kg, thành tiền 3.000.000 đồng; cá mè vinh 100 con trọng lượng 01 kg/con, đơn giá 30.000 đồng/kg, thành tiền 3.000.000 đồng; cá mè trắng 100 con trọng lượng 01 kg/con, đơn giá 25.000 đồng/kg, thành tiền 2.500.000 đồng; cá chép 90 con trọng lượng 1,5 kg/con, đơn giá 35.000 đồng/kg, thành tiền 4.725.000 đồng; cá trê 100 con trọng lượng 03 kg/con, đơn giá 25.000 đồng/kg, thành tiền 7.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thành tiền 22.430.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Cụ T2, ông B1, bà H (đại diện ông Đ1), ông T1 thống nhất kết quả biên bản định giá tài sản ngày 16/3/2020 của Hội đồng định giá, ông C1, ông Đ2, ông T3 không phản đối.

* Phát biểu ý kiến tranh luận và đối đáp:

- Cụ T2 đồng thời là người đại diện cho cụ C2; ông B1 đồng thời là người đại diện cho bà T4; bà H đồng thời là người đại diện cho ông Đ1; ông T1 đồng thời là người đại diện cho bà N1 cùng trình bày: Trường hợp các bị đơn ông T3, ông Đ2, ông C1 thừa nhận lỗi thì sẽ giảm bớt số tiền bồi thường.

- Ông T3, ông Đ2, ông C1 cùng trình bày: Các bị đơn thừa nhận vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 17/02/2019 cùng nhau tháo dỡ lấy nắp quạt của miệng cống sông C4 mang ra đặt tại miệng cống kinh thủy lợi không trình báo. Hậu quả làm cho nước tràn ngập vườn cây, ao cá, chuồng trại gây thiệt hại về tài sản của vợ chồng các nguyên đơn. Các bị đơn biết lỗi, đề nghị các nguyên đơn giảm bớt số tiền bồi thường.

- Cụ T2 trình bày: Cụ và cụ C2 thống nhất giảm cho các bị đơn số tiền 6.930.000 đồng. Yêu cầu các bị đơn có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 14.000.000 đồng, trong đó ông Đ2, ông C1 mỗi người phải bồi thường theo phần số tiền 4.666.667 đồng; ông T3 phải bồi thường theo phần số tiền 4.666.666 đồng.

- Ông B1 trình bày: Ông và bà T4 thống nhất giảm cho các bị đơn số tiền 3.500.000 đồng. Yêu cầu các bị đơn có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 10.500.000 đồng, trong đó ông Đ2, ông C1, ông T3 mỗi người phải bồi thường theo phần số tiền 3.500.000 đồng.

- Bà H trình bày: Bà và ông Đ1 thống nhất giảm cho các bị đơn số tiền 900.000 đồng. Yêu cầu các bị đơn có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền

2.100.000 đồng, trong đó ông Đ2, ông C1, ông T3 mỗi người phải bồi thường theo phần số tiền 700.000 đồng.

- Ông T1 trình bày: Ông và bà N1 thống nhất giảm cho các bị đơn số tiền 3.500.000 đồng. Yêu cầu các bị đơn có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 720.000 đồng, trong đó ông Đ2, ông C1, ông T3 mỗi người phải bồi thường theo phần số tiền 400.000 đồng.

- Ông T3, ông Đ2, ông C1 cùng trình bày: Thống nhất liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho vợ chồng cụ T2, vợ chồng ông B1, vợ chồng ông Đ1, vợ chồng ông T1 số tiền như yêu cầu nêu trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của cụ T2, ông B1, ông Đ1, ông T1: Xét tại phiên tòa sơ thẩm: Cụ T2, ông B1, ông T1, bà H (đại diện ông Đ1) rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại đối với bà C3, bà T5, bà T6 và đồng ý giảm một phần số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại. Ông T3, ông Đ2, ông C1 đồng ý bồi thường số tiền còn lại theo yêu cầu. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện, giảm số tiền bồi thường thiệt hại, đồng ý bồi thường thiệt hại số tiền còn lại là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp và đúng quy định pháp luật. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện và lời đề nghị của cụ T2, ông B1, ông Đ1, ông T1:

+ Buộc ông C1, ông Đ2, ông T3 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho cụ T2 và cụ C2 số tiền 14.000.000 đồng. Trong đó, ông Đ2, ông C1 mỗi người phải bồi thường số tiền 4.666.667 đồng, ông T3 phải bồi thường số tiền 4.666.666 đồng.

+ Buộc ông C1, ông Đ2, ông T3 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho ông B1 và bà T4 số tiền 10.500.000 đồng. Trong đó, ông Đ2, ông C1, ông T3 mỗi người phải bồi thường số tiền 3.500.000 đồng.

+ Buộc ông C1, ông Đ2, ông T3 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Đ1 và bà H số tiền 2.100.000 đồng. Trong đó, ông Đ2, ông C1, ông T3 mỗi người phải bồi thường số tiền 700.000 đồng.

+ Buộc ông C1, ông Đ2, ông T3 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho ông T1 và bà N1 số tiền 1.200.000 đồng. Trong đó, ông Đ2, ông C1, ông T3 mỗi người phải bồi thường số tiền 400.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án cụ T2 và cụ C2, ông B1 và bà T4, ông Đ1 và bà H, ông T1 và bà N1 có đơn yêu cầu thi hành án đối với từng khoản tiền

nêu trên thì người phải thi hành án ông C1, ông Đ2, ông T3 còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

+ Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của cụ T2, ông B1, ông T1, ông Đ1 yêu cầu bà C3, bà T5, bà T6 liên đới cùng với ông Đ2, ông C1, ông T3 bồi thường thiệt hại đã rút.

- Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Xét yêu cầu khởi kiện của cụ T2, ông B1, ông Đ1, ông T1 được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, Điều 165, khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố dụng dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 và khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, giải quyết: Buộc ông C1, ông Đ2, ông T3 cùng phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần; xét cụ T2 là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn tạm ứng án phí, án phí được Tòa án chấp nhận không nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét xử lý; hoàn trả cho ông B1, ông Đ1, ông T1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm thuộc loại tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T6 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà T6 theo thủ tục chung.

[3] *Về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T3, ông Đ2, ông C1 không có ý kiến phản đối kết quả định giá tài sản tại biên bản định giá tài sản ngày 16/3/2020 của Hội đồng định giá. Thừa nhận khoảng 08 giờ 00 phút ngày 17/02/2019 cùng nhau tháo dỡ lấy nắp quạt của miệng cống sông C4 mang ra đặt tại miệng cống kinh thủy lợi không trình báo dẫn đến gây thiệt hại về tài sản của cụ T2 và cụ C2, ông B1 và bà T4, ông Đ1 và bà H, ông T1 và bà N1. Các bị đơn đã biết lỗi, đồng ý bồi thường thiệt hại. Đây

là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện và hướng giải quyết*: Xét thiệt hại về tài sản hoàn toàn do lỗi của ông T3, ông Đ2, ông C1 cùng gây ra; bà T5, bà C3, bà T6 không phải là người gây thiệt hại và không có lỗi.

[4.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, cụ T2, ông B1, bà H, ông T1 rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại đối với bà T5, bà C3, bà T6. Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện và đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút.

[4.2] Tại phiên tòa sơ thẩm: Cụ T2 và cụ C2, ông B1 và bà T4, ông T1 và bà N1, ông Đ1 và bà H đồng ý giảm một phần số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại. Ông T3, ông Đ2, ông C1 đồng ý bồi thường số tiền thiệt hại còn lại theo yêu cầu. Xét việc giảm một phần số tiền bồi thường thiệt hại của cụ T2, cụ C2, ông B1, bà T4, ông T1, bà N1, ông Đ1, bà H; việc ông T3, ông Đ2, ông C1 đồng ý bồi thường thiệt hại số tiền còn lại là tự nguyện, phù hợp và không trái quy định của pháp luật. Xét mức độ lỗi của ông C1, ông Đ2, ông T3 trong việc gây thiệt hại về tài sản là ngang nhau. Căn cứ vào khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự giải quyết ông C1, ông Đ2, ông T3 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại và bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau, cụ thể:

- Ông C1, ông Đ2, ông T3t phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho cụ T2 và cụ C2 số tiền 14.000.000 đồng. Trong đó, ông Đ2, ông C1 mỗi người phải bồi thường số tiền tính tròn 4.666.667 đồng, ông T3 phải bồi thường số tiền tính tròn 4.666.666 đồng.

- Ông C1, ông Đ2, ông T3 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho ông B1 và bà T4 số tiền 10.500.000 đồng. Trong đó, ông Đ2, ông C1, ông T3 mỗi người phải bồi thường số tiền 3.500.000 đồng.

- Ông C1, ông Đ2, ông T3 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Đ1 và bà H số tiền 2.100.000 đồng. Trong đó, ông Đ2, ông C1, ông T3 mỗi người phải bồi thường số tiền 700.000 đồng.

- Ông C1, ông Đ2, ông T3 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho ông T1 và bà N1 số tiền 1.200.000 đồng. Trong đó, ông Đ2, ông C1, ông T3 mỗi người phải bồi thường theo phần số tiền 400.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án cụ T2 và cụ C2, ông B1 và bà T4, ông Đ1 và bà H, ông T1 và bà N1 có đơn yêu cầu thi hành án đối với từng khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án ông C1, ông Đ2, ông T3 còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[4.3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng như nhận định tại các tiểu mục [4.1], [4.2] Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát

nhân dân huyện Tam Bình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, ý kiến trình bày của các đương sự và giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Xét yêu cầu khởi kiện của cụ T2g, ông B1, ông Đ1, ông T1 được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 165, khoản 1 Điều 166 Bộ luật Tố dụng dân sự giải quyết: Ông C1, ông Đ2, ông T3 cùng phải chịu số tiền 800.000 đồng. Do số tiền này cụ T2, ông B1, ông Đ1, ông T1 mỗi người đã tạm ứng nộp trước số tiền 200.000 đồng. Nên ông C1, ông Đ2 mỗi người phải nộp số tiền tính tròn 266.667 đồng, ông T3 phải nộp số tiền tính tròn 266.666 đồng. Để hoàn trả cho cụ T2, ông B1, ông Đ1, ông T1 mỗi người được nhận lại số tiền 200.000 đồng.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 và khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án giải quyết: Ông C1, ông Đ2, ông T3 mỗi người phải nộp án phí tính tròn số tiền 463.333 đồng; xét cụ T2 là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn tạm ứng án phí, án phí được Tòa án chấp nhận không phải nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét xử lý; hoàn trả cho ông B1 được nhận lại số tiền 350.000 đồng, ông Đ1 và ông T1 mỗi người được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự; khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 165, khoản 1 Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 và khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Mai Văn T2, ông Nguyễn Thanh B1, ông Lê Minh T1, ông Nguyễn Thanh Đ1:

1.1. Buộc ông Phạm Dũng C1, ông Nguyễn Văn T3, ông Hồ Thành Đ2 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho cụ Mai Văn T2 và cụ Nguyễn Thị C2 số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng. Trong đó: Ông C1, ông T3, ông Đ2 mỗi người phải bồi thường cho cụ T2 và cụ C2 số tiền 4.666.667 (bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng; ông T3 phải bồi thường cho

cụ T2 và cụ C2 số tiền 4.666.666 (bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

1.2. Buộc ông Phạm Dũng C1, ông Nguyễn Văn T3, ông Hồ Thành Đ2 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Thanh B1 và bà Lê Thị T4 số tiền 10.500.000 (mười triệu năm trăm nghìn) đồng. Trong đó, ông C1, ông T3, ông Đ2 mỗi người phải bồi thường cho ông B1 và bà T4 số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

1.3. Buộc ông Phạm Dũng C1, ông Nguyễn Văn T3, ông Hồ Thành Đ2 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Thanh Đ1 và bà Nguyễn Thanh H số tiền 2.100.000 (hai triệu một trăm nghìn) đồng. Trong đó, ông C1, ông T3, ông Đ2 mỗi người phải bồi thường cho ông Đ1 và bà H số tiền 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng.

1.4. Buộc ông Phạm Dũng C1, ông Nguyễn Văn T3, ông Hồ Thành Đ2 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Lê Minh T1 và bà Trịnh Thị N1 số tiền 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng. Trong đó, ông C1, ông T3, ông Đ2 mỗi người phải bồi thường cho ông T1 và bà N1 số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng.

1.5. Kể từ ngày người được thi hành án cụ Mai Văn T2 và cụ Nguyễn Thị C2, ông Nguyễn Thanh B1 và bà Lê Thị T4, ông Nguyễn Thanh Đ1 và bà Nguyễn Thanh H, ông Lê Minh T1 và bà Trịnh Thị N1 có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên thì người phải thi hành án ông Phạm Dũng C1, ông Hồ Thành Đ2, ông Nguyễn Văn T3 còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.6. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Mai Văn T2, ông Nguyễn Thanh B1, ông Lê Minh T1, ông Nguyễn Thanh Đ1 về yêu cầu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại đối với bà Lê Thị Bé C3, bà Nguyễn Thị Kim T5, bà Nguyễn Thị Thanh T6 đã rút.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Dũng C1, ông Nguyễn Văn T3, ông Hồ Thành Đ2 cùng phải chịu chi phí số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng. Do số tiền này cụ Mai Văn T1, ông Nguyễn Thanh B1, ông Nguyễn Thanh Đ1, ông Lê Minh T1 mỗi người đã tạm ứng nộp trước số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Nên buộc ông C1, ông Đ2 mỗi người phải nộp số tiền 266.667 (hai trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng; buộc ông T3 phải nộp số tiền 266.666 (hai trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng. Để hoàn trả cho cụ T2, ông B1, ông Đ1, ông T1 mỗi người được nhận lại số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Phạm Dũng C1, ông Nguyễn Văn T3, ông Hồ Thành Đ2 mỗi người phải nộp án phí số tiền 463.333 (bốn trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

3.2. Do cụ Mai Văn T2 được miễn không phải nộp tạm ứng án phí nên không xử lý.

3.3. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh B1 được nhận lại số tiền 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0011875 ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3.4. Hoàn trả cho ông Lê Minh T1 được nhận lại số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0011876 ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3.5. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh Đ1 được nhận lại số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0011877 ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt cụ Mai Văn T2, ông Nguyễn Thanh B1, ông Lê Minh T1, bà Nguyễn Thanh H, ông Phạm Dũng C1, ông Hồ Thành Đ2, ông Nguyễn Văn T3. Vắng mặt ông Nguyễn Thanh Đ1, cụ Nguyễn Thị C2, bà Lê Thị T4, bà Nguyễn Thị N1, bà Lê Thị Bé C3, bà Nguyễn Thị Kim T5, bà Nguyễn Thị Thanh T6. Báo cho cụ T2, ông B1, ông T1, ông C1, ông T3, ông Đ2, bà H có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông Đ1, cụ C2, bà T4, bà N1, bà C3, bà T5, bà T6 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC.THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + ĐDNĐ + BĐ + NLQ + ĐDNLQ: 19;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Cao Minh Tân